

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 19 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp hui và

Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Yển.

2. Bà Ngô Thị Út Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Trần Cẩm Tú.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui và Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Thái Quang H1**, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2022)

Bị đơn: Bà **Dương Thị Hồng L**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực B, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

- Ông **Huỳnh Văn Tr**, sinh năm 1964. (có mặt)

- Ông **Trương Thanh G**, sinh năm 1948. (có mặt)

- Ông **Đoàn Văn Tr1**, sinh năm 1965. *(có mặt)*
- Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1961. *(vắng mặt)*
- Bà **Tổng Thị Đ**, sinh năm 1975. *(xin vắng mặt)*
- Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1970. *(xin vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực T, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bà **Phan Thu Th**, sinh năm 1972. *(xin vắng mặt)*
- Bà **Phan Thị Nguyệt R**, sinh năm 1957. *(xin vắng mặt)*
- Bà **Nguyễn Thị Minh Đ1**, sinh năm 1997. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (có đại diện là ông Thái Quang H1) trình bày:***

Năm 2016, bà H có làm chủ hội, do quen biết nên bà H đồng ý cho bà Dương Thị Hồng L (tên thường gọi là Tư Ch) tham gia nhiều dây hội tháng như sau:

1/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 15/7/2018, còn lại 11 lần hội chết, đóng được 04 lần, còn nợ lại 07 lần hội chết là 7.000.000 đồng.

2/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 10/6/2017, còn lại 18 lần hội chết, đóng được 12 lần, còn nợ lại 06 lần hội chết là 6.000.000 đồng.

3/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2017, gồm 27 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 15/9/2017, còn lại 19 lần hội chết, đóng được 12 lần, còn nợ lại 07 lần hội chết là 7.000.000 đồng.

4/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/12/2017, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 15/3/2018, còn lại 25 lần hội chết, đóng được 18 lần, còn nợ lại 07 lần hội chết là 7.000.000 đồng.

5/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 10/8/2017, còn lại 16 lần hội chết, đóng được 10 lần, còn nợ lại 06 lần hội chết là 6.000.000 đồng.

6/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 30/02/2018, còn lại 12 lần hội chết, đóng được 03 lần, còn nợ lại 09 lần hội chết là 9.000.000 đồng.

7/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 10/3/2017, còn lại 17 lần hội chết, đóng được 11 lần, còn nợ lại 06 lần hội chết là 6.000.000 đồng.

8/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hội viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hội ngày 30/10/2017, còn lại 19 lần hội chết, đóng được 10 lần, còn nợ lại 09 lần hội chết là 9.000.000 đồng.

9/ Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/02/2017, gồm 25 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 20/8/2017, còn lại 13 lần hụi chết, đóng được 05 lần, còn nợ lại 08 lần hụi chết là 4.000.000 đồng.

10/ Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/02/2017, gồm 25 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 20/01/2018, còn lại 13 lần hụi chết, đóng được 05 lần, còn nợ lại 08 lần hụi chết là 4.000.000 đồng.

11/ Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2017, gồm 29 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 15/7/2018, còn lại 11 lần hụi chết, đóng được 4 lần, còn nợ lại 07 lần hụi chết là 14.000.000 đồng.

12/ Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 10/9/2017, còn lại 14 lần hụi chết, đóng được 07 lần, còn nợ lại 07 lần hụi chết là 14.000.000 đồng.

13/ Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 24 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 30/3/2018, còn lại 16 lần hụi chết, đóng được 07 lần, còn nợ lại 09 lần hụi chết là 18.000.000 đồng.

14/ Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 30/01/2018, còn lại 16 lần hụi chết, đóng được 07 lần, còn nợ lại 09 lần hụi chết là 18.000.000 đồng.

15/ Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hụi viên, bà L tham gia 01 chân, hốt hụi ngày 10/12/2016, còn lại 24 lần hụi chết, đóng được 18 lần, còn nợ lại 06 lần hụi chết là 6.000.000 đồng.

Tổng cộng 15 dây hụi bà L còn nợ là 135.000.000 đồng. Tháng 02 năm 2022, bà L đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 35.000.000 đồng. Do tính toán nhầm nên đơn khởi kiện ghi bà L còn nợ bà H phần này là 51.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 10/3/2020, bà L có tham gia mượn vốn xoay vòng với hình thức bốc thăm gồm 21 thành viên, mỗi thành viên đóng 2.000.000 đồng/tháng. Bà L hốt đầu ngày 10/3/2020, còn lại 20 lần đóng tiền, đóng được 01 lần, nợ lại 19 lần là 38.000.000 đồng.

Vào tháng 02 năm 2020, bà H có mượn dùm bà L số tiền 50.000.000 đồng (có giấy cam kết trả nợ) nhưng cho đến nay bà L vẫn không trả.

Tổng số tiền hụi và tiền mượn bà L còn nợ bà H là 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Đã nhiều lần bà H yêu cầu bà L trả số tiền trên nhưng bà L vẫn không trả. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L trả cho bà H số tiền 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/02/2023, bị đơn bà Dương Thị Hồng L trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị H không có quan hệ gì, chỉ quen biết cùng xóm và chơi hụi chung.

Bà có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm chủ hụi, nhưng bà chỉ nhớ dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15/02/2016, bao nhiêu thành viên thì bà không nhớ, bà có hốt và cũng đã đóng lại cho bà H nhưng không nhớ đã đóng bao nhiêu lần. Bà chỉ nhớ khi hốt hụi thì còn nợ lại nhưng số tiền ít hơn 7.000.000 đồng.

Đối với các dây hụi ngày 10/8/2016, ngày 15/02/2017, ngày 15/12/2017, ngày 30/8/2017, ngày 20/2/2017 và ngày 30/8/2017 (gồm 14 dây hụi) theo như bà H trình bày thì bà không nhớ rõ từng dây hụi, tất cả dây hụi bà chơi với bà H đều đã hốt xong. Bà và bà H đã chốt nợ là 100.000.000 đồng, bà đã trả xong số tiền này cho bà H tại nhà của bà vào ngày 22/02 (âm lịch). Do tin tưởng nên khi giao tiền cho bà H không có làm giấy tờ gì. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền nợ hụi là 139.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*) thì bà không đồng ý, vì bà đã chốt tiền nợ hụi và đã trả xong cho bà H, hiện tại bà không còn nợ tiền hụi bà H. Do đã chốt nợ và đã trả xong nên giấy tờ lúc chơi hụi không còn.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:***

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H. Bà H lấy tên thường gọi của ông là Năm Đèo để ghi vào giấy góp vốn xoay vòng, việc góp vốn xoay vòng như thế nào ông không biết, ông cũng không có tham gia vào, do bà H làm chủ hụi và chơi hụi với bà L, ông không biết gì cả. Nay bà H khởi kiện bà L để đòi nợ hụi, ông không có ý kiến gì, tùy bà H giải quyết với bà L.

*** *Tại Bản tự khai ngày 18/4/2023, người làm chứng – ông Huỳnh Văn Tr trình bày:***

Trước đây ông có tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị H. Vào ngày 30/8/2017, ông có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng và nhiều dây hụi khác. Trong quá trình chơi hụi thì bà H giao tiền cho hụi viên đúng ngày. Bà H thường xuyên tràn hụi cho bà Dương Thị Hồng L do bà L đã hốt hụi rồi mà không đóng đúng hạn cho bà H.

*** *Tại Bản tự khai ngày 02/4/2023, người làm chứng – bà Tống Thị Đ trình bày:***

Hụi khui ngày 10/8/2014, hụi 1.000.000 đồng, gồm 25 phần.

Hụi khui ngày 15/02/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm 28 phần.

Bà Nguyễn Thị H hay than phiền với bà việc hàng tháng bà L không đóng hụi nên bà H vay mượn nợ để giao hụi cho bà. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án này.

*** *Tại Bản tự khai ngày 03/4/2023, người làm chứng – ông Đoàn Văn Tr1 trình bày:***

Hụi khui ngày 10/8/2016, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 29 phần.

Hụi khui ngày 30/8/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 22 phần.

Hụi khui ngày 30/8/2017, hụi 2.000.000 đồng, gồm có 24 phần.

Bà Nguyễn Thị H có nói với bà việc bà L không đóng hụi hàng tháng, bà H không xoay sở được nữa nên bà H phải vay tiền ngân hàng để trả đáp hụi cho bà L.

*** *Tại Bản tự khai ngày 18/4/2023, người làm chứng – ông Trương Thanh G trình bày:***

Hụi khui ngày 15/02/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm có 29 phần.

Hụi khui ngày 15/02/2017, hụi 2.000.000 đồng, gồm có 29 phần.

Hụi khui ngày 10/3/2020, hụi 2.000.000 đồng, gồm có 21 phần.

Khi ông hốt hụi bà H giao đủ và cũng có nghe bà H nói việc bà L không đóng hụi đủ cho bà H.

*** *Tại Bản tự khai ngày 20/4/2023, người làm chứng – ông Nguyễn Văn H2 trình bày:***

Hụi khui ngày 10/3/2020, hụi 2.000.000 đồng, gồm 21 phần.

Hụi khui ngày 15/02/2017, hụi 2.000.000 đồng, gồm 29 phần.

Hụi khui ngày 20/02/2017, hụi 5.000.000 đồng, gồm 25 phần.

Bà Nguyễn Thị H có vay mượn tiền để trả hụi cho bà L, cho hụi viên là đúng sự thật. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án này.

*** *Tại Bản tự khai ngày 20/4/2023, người làm chứng – ông Huỳnh Văn C trình bày:***

Hụi khui ngày 30/8/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm 22 phần.

Hụi khui ngày 15/02/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm 28 phần.

Hụi khui ngày 15/02/2016, hụi 1.000.000 đồng, gồm 29 phần.

Hụi khui ngày 30/8/2017, hụi 1.000.000 đồng, gồm 22 phần.

Khi ông hốt hụi bà H có giao tiền cho ông, bà H có than thở hàng tháng bà L không đóng cho bà H, kêu bà H cho mượn hụi hốt, đến hụi chót bà L trả hụi mượn là 50.000.000 đồng.

*** *Tại Bản tự khai ngày 06/4/2023, người làm chứng – bà Phan Thị Thu Th trình bày:***

Bà có tham gia hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/12/2016 gồm có 28 người tham gia; Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/8/2016, có 29 người tham gia; Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 15/02/2017, có 28 người tham gia; Hụi 500.000 đồng khui ngày 20/02/2017, có 25 người tham gia.

Bà biết bà H có vay tiền của người khác để trả hụi cho bà L. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án này.

*** *Tại Bản tự khai ngày 04/4/2023, người làm chứng – bà Nguyễn Thị Minh Đ1 trình bày:***

Hội khui ngày 30/8/2017, hội 1.000.000 đồng, gồm có 22 phần.

Hội khui ngày 20/02/2017, hội 1.000.000 đồng, gồm có 25 phần.

Hội khui ngày 15/02/2017, hội 1.000.000 đồng, gồm có 29 phần.

Nhiều lần bà nghe bà H nói nhiều tháng bà L không đóng tiền hội, bà H phải đi vay vốn để xoay sở phần hội mà bà L nợ.

*** *Tại Bản tự khai ngày 02/4/2023, người làm chứng – bà Phan Thị Nguyệt R trình bày:***

Hội khui ngày 15/12/2016, gồm có 29 phần.

Hội khui ngày 30/8/2017, gồm có 24 phần.

Bà có đi khui hội chung với bà L tại nhà của chủ hội là bà H. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L trả cho bà H tổng số tiền 123.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Dương Thị Hồng L vắng mặt không có lý do.

- Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông là chồng của bà H, các dây hội do bà H làm chủ hội, ông không có tham gia nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Người làm chứng ông Huỳnh Văn Tr, ông Trương Thanh G và ông Đoàn Văn Tr1 trình bày: Các ông có tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội, các ông có nghe bà H kể lại việc bà L không đóng tiền hội chết. Tuy nhiên, bà L nợ bà H bao nhiêu tiền, giữa bà L và bà H có thỏa thuận gì với nhau hay không thì các ông không biết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H trả số tiền 123.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung vụ án, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội và Đòi lại tài sản*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Dương Thị Hồng L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2016 đến năm 2017, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, bà L có tham gia các dây hội tháng, cụ thể:

1/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 2)*

2/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 5)*

3/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 6)*

4/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 7)*

5/ Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2017, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 11)*

6/ Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 12)*

7/ Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 14)*

8/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2016, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 15)*

Bà H có nộp 08 giấy hội viết tay bản chính thể hiện các dây hội trên. Ngoài ra, bà H cho rằng có làm chủ các dây hội tháng khác, bà L có tham gia nhưng không có giấy hội, cụ thể:

1/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2016, gồm 29 hội viên. bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 1)*

2/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2017, gồm 27 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 3)*

3/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/12/2017, gồm 29 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 4)*

4/ Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 22 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 8)*

5/ Hội 500.000 đồng, khai ngày 20/02/2017, gồm 25 hội viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 9)*

6/ Hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/02/2017, gồm 25 hụi viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 10)*

7/ Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/8/2017, gồm 24 hụi viên, bà L tham gia 01 chân. *(số thứ tự 13)*

Ngày 10/3/2020, bà L có tham gia mượn vốn xoay vòng với hình thức bốc thăm gồm 21 thành viên, mỗi thành viên đóng 2.000.000 đồng/tháng.

Bà H cho rằng bà L đã hốt hụi xong tất cả 15 dây hụi trên và bà L còn nợ bà H số tiền hụi là 135.000.000 đồng, nợ tiền mượn vốn xoay vòng là 38.000.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 02 năm 2020, bà H có mượn dùm bà L số tiền 50.000.000 đồng đến nay bà L vẫn chưa trả. Sau đó, bà L có trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng và còn nợ bà H số tiền 123.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền 123.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu đồng)*.

Bà L thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi, đối với dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 15/02/2016, bà L thừa nhận đã hốt và có đóng hụi cho bà H, còn nợ lại số tiền ít hơn 7.000.000 đồng (không nhớ cụ thể bao nhiêu). Đối với các dây hụi bà H trình bày thì bà L không nhớ, nhưng tất cả dây hụi và mượn vốn xoay vòng mà bà L tham gia cùng bà H thì bà L đều đã hốt xong. Ngoài ra, Tại Biên bản hòa giải ngày 16/02/2023, bà L thừa nhận có mượn bà H số tiền 50.000.000 đồng. Bà L và bà H đã chốt lại số tiền mượn, tiền nợ hụi và tiền mượn vốn xoay vòng là hơn 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận bà L trả cho bà H 100.000.000 đồng là dứt nợ, bà đã trả xong cho bà H số tiền 100.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả số tiền 123.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà H có cung cấp 08 tờ giấy hụi viết tay; 01 giấy giao kèo hùn vốn xoay vòng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định đây là các giấy hụi do bà H tự ghi chép để theo dõi các dây hụi.

Xét thấy, các giấy hụi trên đều do bà H tự ghi, không có xác nhận của bà L. Phía bà L chỉ thừa nhận có nợ tiền hụi và mượn vốn xoay vòng của bà H nhưng không xác định được số tiền cụ thể bao nhiêu. Lời khai của những người làm chứng ông Tr, ông G và ông Tr1 chỉ xác định việc có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi và có nghe bà H kể lại việc bà L không đóng hụi chết đầy đủ, các ông không biết số tiền hụi mà bà L nợ bà H là bao nhiêu. Ngoài ra, bà H khởi kiện bà L để tranh chấp 15 dây hụi nhưng bà H chỉ cung cấp được 08 giấy hụi. Do đó, không có cơ sở để xác định bà L còn nợ bà H số tiền hụi 35.000.000 đồng và tiền mượn vốn xoay vòng 38.000.000 đồng. Do yêu cầu này của nguyên đơn không có căn cứ nên cần bác yêu cầu này của nguyên đơn.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà H cho rằng đã mượn dùm bà L. Bà L thừa nhận có nợ tiền hụi và tiền mượn của bà H hơn 100.000.000 đồng, các bên đã thống nhất gộp chung thành số tiền 100.000.000 đồng, bà L đã trả xong số tiền này cho bà H nên đã dứt nợ. Phía bà H thừa nhận bà L có trả số tiền

100.000.000 đồng nhưng đây là tiền nợ hui, số tiền còn lại bà L không trả nên bà H khởi kiện, bà H không thừa nhận nội dung thỏa thuận như bà L trình bày, phía bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự thỏa thuận nêu trên. Như vậy, việc bà L thừa nhận có mượn bà H số tiền 50.000.000 đồng được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của bà H việc buộc bà L trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Do đó, cần buộc bà L trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 166, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H (có đại diện là ông Thái Quang H1) đối với bà Dương Thị Hồng L.

Buộc bà Dương Thị Hồng L trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H (có đại diện là ông Thái Quang H1) về việc buộc bà Dương Thị Hồng L trả số tiền hui là 73.000.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu đồng*).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Thị Hồng L phải nộp số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế